

DỰ THẢO

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật du lịch;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư liên tịch quy định về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về hoạt động vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan đến kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH BẰNG XE Ô TÔ

Điều 3. Quy định đối với xe ô tô vận tải khách du lịch

1. Có biển hiệu “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH” theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

2. Xe ô tô vận tải khách du lịch phải đảm bảo nội thất và tiện nghi như sau:

a) Xe ô tô dưới 09 (chín) chỗ ngồi phải có các trang thiết bị gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

b) Xe ô tô từ 09 chỗ ngồi đến dưới 24 chỗ, ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này còn phải trang bị thêm: rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác;

c) Xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan hoặc ô tô hai tầng), ngoài các quy định tại Điểm b Khoản này còn phải trang bị thêm micro, ti vi; có nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch; có công cụ hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

3. Xe ô tô vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch.

4. Ngoài việc thực hiện đúng các quy định từ Khoản 1 đến Khoản 3 Điều này, xe ô tô vận tải khách du lịch còn phải đáp ứng các quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Điều 4. Quy định đối với lái xe và nhân viên phục vụ trên xe

1. Lái xe ô tô vận tải khách du lịch

a) Phải đáp ứng các quy định của pháp luật đối với người lái xe và phải có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch;

b) Phải thực hiện khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

2. Nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận tải khách du lịch phải có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch (trừ trường hợp nhân viên phục vụ trên xe đồng thời là Hướng dẫn viên du lịch hoặc Thuyết minh viên).

Điều 5. Quy định đối với đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch

1. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định.

2. Ngoài việc thực hiện đúng các quy định tại Khoản 1 Điều này, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch còn phải đáp ứng các quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Điều 6. Quy định về tập huấn nghiệp vụ du lịch

1. Nội dung tập huấn bao gồm: Tổng quan về du lịch Việt Nam; Lễ tân và văn hóa giao tiếp, Ứng xử; tâm lý và phong tục, tập quán của khách du lịch; chương trình tiếng Anh giao tiếp theo khung chương trình quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này.

2. Thời gian tập huấn:

a) Định kỳ 3 (ba) năm một lần, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ theo quy định;

b) Thời gian tập huấn: tối đa là 05 (năm) ngày đối với người tham dự tập huấn lần đầu, tối đa 02 (hai) ngày đối với người tham dự tập huấn từ lần thứ 2 trở đi.

3. Kiểm tra kết quả tập huấn: kết thúc tập huấn, đơn vị tổ chức tập huấn phải kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn.

a) Điểm kiểm tra chấm theo thang điểm 10; bài kiểm tra dưới 5 điểm là không đạt yêu cầu, phải thực hiện học lại và kiểm tra lại;

b) Người tham gia tập huấn đủ điều kiện để được làm bài kiểm tra phải tham dự đủ 100% thời gian học;

c) Hình thức kiểm tra: bài trắc nghiệm hoặc bài viết.

4. Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức tập huấn và cấp cho những người đã hoàn thành (đạt từ 5 điểm trở lên) theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.

Điều 7. Quy định về cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

1. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp mới (hoặc cấp lại) biển hiệu xe ô tô vận

tải khách du lịch đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Đối với hồ sơ cấp lại, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch được đề nghị cấp lại biển hiệu hết hạn trước tối đa 30 ngày so với thời hạn của biển hiệu đang lưu hành. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này;

b) 02 bản kê thông tin và các trang thiết bị của phương tiện quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư này. Bảng kê theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

c) 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy đăng ký xe ô tô; hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa thành viên, hợp tác xã thành viên với hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh. Đối với những phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì đơn vị kinh doanh vận tải phải gửi kèm theo xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định;

d) Cung cấp tên trang web, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe để nghị cấp biển hiệu;

đ) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe;

e) Biển hiệu hư hỏng hoặc hết giá trị sử dụng (áp dụng trong trường hợp cấp lại biển hiệu).

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (gửi kèm theo 01 bản hồ sơ quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 của Điều này) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận tải khách du lịch trên cơ sở đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Mẫu văn bản quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Hết thời hạn trên coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Mẫu văn bản quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

3. Trong thời hạn tối đa là hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải tổ chức

cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch. Việc trả kết quả cấp biển hiệu được thực hiện tại trụ sở cơ quan hoặc qua đường bưu điện. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

Đối với các trường hợp xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch không thực hiện các quy định liên quan đến lắp đặt và cung cấp, truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại biển hiệu sau khi hết thời hạn thu hồi và đã khắc phục được vi phạm.

4. Trong thời gian sử dụng, nếu biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch gửi Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này. Thời hạn biển hiệu cấp đổi tính theo thời hạn còn lại của biển hiệu đã bị mất hoặc hỏng.

5. Ngoài việc thực hiện quản lý biển hiệu theo quy định tại Thông tư này còn phải thực hiện theo các quy định chung về quản lý, sử dụng phù hiệu, biển hiệu và thủ tục xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải theo quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Điều 8. Quy định ưu tiên đối với xe ô tô có biển hiệu vận tải khách du lịch

1. Xe ô tô vận tải khách du lịch được phép vận tải hành khách theo hợp đồng và được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ thuận tiện để đón, tiễn khách du lịch tại bến xe, nhà ga, sân bay, bến cảng, bến thuyền, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Xe ô tô vận tải khách du lịch được phép hoạt động không hạn chế về thời gian trên tuyến đường dẫn đến các khách sạn, các khu du lịch, điểm du lịch theo chương trình du lịch đã đăng ký (bao gồm cả khu vực nội thành, nội thị) nhưng phải bảo đảm thực hiện theo tổ chức giao thông của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị vận tải khách du lịch bằng xe ô tô

1. Từ ngày ngày 01 tháng 07 năm 2015, trước khi thực hiện hợp đồng vận chuyển khách du lịch hoặc hợp đồng lữ hành, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo tới Sở Giao thông vận tải nơi cấp giấy phép kinh doanh vận tải các thông tin: hành trình (điểm đầu, điểm cuối, điểm đón, trả khách), thời gian thực hiện hợp đồng bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (Email) hoặc trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này.

2. Từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 chỉ thực hiện cung cấp thông tin qua trang thông tin điện tử hoặc giao diện phần mềm quản lý vận tải của Sở Giao thông vận tải.

3. Chỉ được bố trí xe dừng, đỗ đón, trả khách tại các điểm đã ghi trong hợp đồng hoặc chương trình du lịch phù hợp với quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

4. Không được đón thêm khách ngoài danh sách hành khách; không được đón, trả khách ngoài các điểm ghi trong hợp đồng; không được tổ chức bán vé, xác nhận đặt chỗ cho hành khách đi xe dưới mọi hình thức; không được tổ chức hoạt động vận tải hành khách theo hình thức tuyến cố định.

5. Phải tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

6. Bố trí, sắp xếp cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe tham gia tập huấn nghiệp vụ du lịch.

Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

1. Đeo thẻ tên, mặc đồng phục theo đúng mẫu đơn vị kinh doanh vận tải đã trang bị và quy định.

2. Khi vận tải khách du lịch lái xe phải mang theo và thực hiện đúng hợp đồng vận tải khách du lịch hoặc hợp đồng lữ hành (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của đơn vị kinh doanh du lịch); chương trình du lịch và danh sách hành khách; đảm bảo an ninh, trật tự trên xe; chỉ được dừng, đỗ đón, trả khách tại các điểm ghi trong hợp đồng. Danh sách hành khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này.

3. Không được đón thêm khách ngoài danh sách hành khách; không được đón, trả khách ngoài các điểm ghi trong hợp đồng; không được tổ chức bán vé, xác nhận đặt chỗ cho hành khách đi xe dưới mọi hình thức.

4. Hướng dẫn khách lên xe, phổ biến các quy định khi đi xe, giúp đỡ khách là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai, trẻ em.

5. Chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

6. Quyền và trách nhiệm khác thực hiện theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của khách du lịch

1. Được yêu cầu đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đã đăng ký.

2. Được khiếu nại, kiến nghị, phản ánh những hành vi vi phạm quy định về quản lý vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).

3. Chấp hành các quy định khi đi xe để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trên xe; lên, xuống xe tại các điểm dừng đỗ đón, trả khách theo quy định.

4. Quyền và nghĩa vụ khác thực hiện theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 12. Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Quản lý theo thẩm quyền hoạt động vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô trên phạm vi cả nước.

2. Chủ trì biên soạn, phát hành chương trình khung tập huấn nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe.

3. Thống nhất in, phát hành biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

4. Thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tổng cục Du lịch

1. Quản lý theo thẩm quyền hoạt động của đơn vị tham gia vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô trên phạm vi cả nước.

2. Biên soạn, phát hành tài liệu, chương trình khung tập huấn nghiệp vụ du lịch cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe của đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch.

3. Kiểm tra, giám sát việc tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe vận tải khách du lịch.

4. Phối hợp với Tổng cục Đường bộ Việt Nam kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch

1. Tổ chức tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe của các đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch.

2. Cung cấp vị trí các điểm du lịch và phối hợp với Sở Giao thông vận tải xác định các điểm dừng, đỗ đón trả khách du lịch tại bến xe, nhà ga, sân bay, bến cảng, bến thuyền, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt.

3. Mỗi năm hai lần (vào tháng 5 và tháng 10) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản thống kê số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe của các đơn vị vận tải đã hoàn thành tập huấn nghiệp vụ du lịch đến Sở Giao thông vận tải để phối hợp quản lý.

4. Mỗi năm một lần (trừ trường hợp kiểm tra đột xuất), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch và gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Tổng cục Du lịch Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 15. Sở Giao thông vận tải

1. Quản lý hoạt động vận tải khách du lịch bằng xe ô tô trên địa bàn địa phương theo thẩm quyền.

2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và công bố vị trí các điểm dừng, đỗ đón, trả khách du lịch tại các khu du lịch, điểm du lịch, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn địa phương; phối hợp với các nhà ga, bến cảng, sân bay trên địa bàn địa phương để bố trí vị trí dừng, đỗ đón, trả khách du lịch.

3. Tổ chức phân luồng giao thông bảo đảm để các xe ô tô được cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch được phép hoạt động quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

4. Mỗi năm hai lần (tháng 5 và tháng 10) Sở Giao thông vận tải gửi văn bản thống kê số lượng phương tiện đã cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phối hợp quản lý.

5. Quản lý, cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo quy định.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.

Chương IV

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô phải báo cáo kết quả kinh doanh vận tải khách du lịch đến Sở Giao thông vận tải và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư này.

2. Định kỳ vào tháng 01 hàng năm, Sở Giao thông vận tải và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo hoạt động vận tải khách du lịch bằng xe ô tô của địa phương về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Tổng cục Du lịch để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vào tháng 02 hàng năm.

Điều 17. Kiểm tra hoạt động vận tải khách du lịch bằng xe ô tô

Các cơ quan chức năng có thẩm quyền thuộc Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng cục Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành và xử lý các hành vi vi phạm quy định về hoạt động vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng cục Du lịch Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ TRƯỞNG
BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Đinh La Thăng

Hoàng Tuấn Anh

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó TTg CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng An ninh của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Các Sở VHTTDL, Sở GTVT;
- Tổng cục Du lịch;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Website Bộ GTVT, Bộ VHTTDL;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Lưu: BVHTTDL (VT, VLH), BGTVT (VT, VVT)

Phụ lục 1

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU “XE Ô TÔ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị kinh doanh:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Trụ sở:

Số điện thoại: (Fax):

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số.....do.....cấp ngày...../...../.....

Lĩnh vực kinh doanh:

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗ ngồi | Năm SX |
|----|-------------|---------|-------------------|----------|--------|-------------|--------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | |

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm: 02 bản kê thông tin và các trang thiết bị của phương tiện. 02 bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký ô tô; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp đổi; cấp lại do mất hoặc hỏng)

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 201...

BẢN KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN

Tên đơn vị kinh doanh: Tên giao dịch quốc tế (nếu có).....

Trụ sở:

Số điện thoại:(Fax):

| Loại xe | Biển số | Màu sơn | Tên hiệu xe | Số khung | Số máy | Năm SX | Thông tin và trang thiết bị | | | | | | | | | | | | | |
|----------------------|---------|---------|-------------|----------|--------|--------|-----------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|------|------|------|
| | | | | | | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| Dưới 9 chỗ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Từ 9 đến dưới 24 chỗ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trên 24 chỗ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

- (1): Điều hòa nhiệt độ
- (2): Thùng chứa đồ uống
- (3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu
- (4): Túi thuốc dự phòng
- (5) Bình chữa cháy
- (6) Dụng cụ thoát hiểm
- (7) Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe
- (8):Rèm cửa chống nắng
- (9): Bảng hướng dẫn an toàn
- (10): Thùng đựng rác
- (11): Micro
- (12): Ti vi
- (13): Nơi cất giữ hành lý cho khách

(14): Công cụ hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật

Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu DVKDVT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ
KINH DOANH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

UBND
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ngày.....tháng.....năm..... Sở Giao thông vận tải nhận được hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch của công ty....., Sở Giao thông vận tải đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra và có văn bản trả lời về việc xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận tải khách du lịch.

Hồ sơ gửi kèm theo công văn này gồm:

- 01 bản kê các trang thiết bị của phương tiện;
- 01 bản sao: Giấy đăng ký xe ô tô; hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa thành viên, hợp tác xã thành viên với hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh.

Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH

....., ngày.....tháng.....năm.....

Số:...../.....

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Ngày.....tháng.....năm.....Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....

nhận được văn bản số của Sở Giao thông vận tải. Sau khi kiểm tra, đối chiếu các thông tin và trang thiết bị của phương tiện, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận phương tiện theo danh sách của công ty..... bảo đảm (hoặc không bảo đảm thì nêu rõ nội dung còn thiếu) đáp ứng (hoặc không đáp ứng) quy định xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận tải khách du lịch.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải cấp (hoặc không cấp nếu chưa đáp ứng) biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Thủ trưởng đơn vị

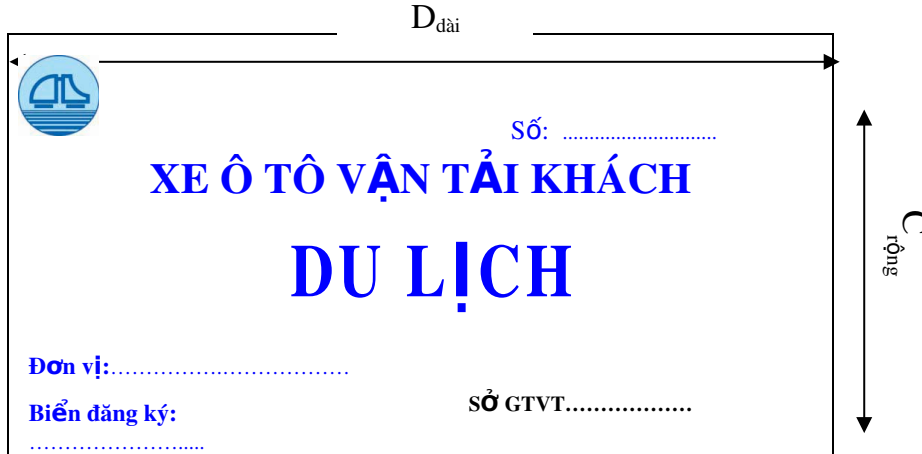
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

Biển hiệu “XE Ô TÔ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

1. Mẫu biển hiệu:



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ:

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|---|-------------------|-----------------------------|----------------|
| Số: | VnTime | Cỡ chữ 16 ± 18 | |
| XE Ô TÔ VẬN TẢI KHÁCH | VnTimeH (kéo dẫn) | 8mm ± 2 mm | 7mm ± 2 mm |
| DU LỊCH | VnTimeH (kéo dẫn) | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| Đơn vị: Biển đăng ký: Có giá trị đến: | VnTime | Cỡ chữ 16 ± 18 | |

3. Kích thước biển hiệu (tối thiểu), tỷ lệ này được thay đổi tùy thuộc kích thước từng loại xe:

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$;

Chiều cao: $C_{\text{cao}} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$.

4. Màu sắc biển hiệu:

a) Góc trên bên trái có Logo hòn trống mái.



b) Màu sắc biển hiệu: Viền đỏ, Chữ xanh đậm,

- Đối với Biển hiệu cấp cho xe chạy trên 300km nền hoa văn của biển hiệu màu xanh nhạt in chìm hình một chiếc xe du lịch ở chính giữa;

- Đối với Biển hiệu cấp cho xe chạy từ 300km trở xuống nền hoa văn của biển hiệu màu hồng nhạt in chìm hình một chiếc xe du lịch ở chính giữa.

5. Chất liệu biển hiệu: Giấy cứng

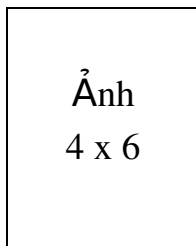
Phụ lục 6

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

SỐ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ
DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ DU LỊCH PHỤC VỤ TRÊN XE Ô TÔ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH



Số:

Họ và tên:

Sinh ngày:

Nơi cư trú:

trú:

Giấy CMND số:

Đã qua lớp tập huấn tại:.....

.....

Thời gian tập huấn từ ngày.....tháng....năm.....đến
ngày.....thángnăm.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GCN có giá trị đến

.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

- Giấy chứng nhận này chỉ cấp cho người đã hoàn thành khoá tập huấn theo nội dung quy định.
- Giấy chứng nhận có giá trị 03 năm kể từ ngày cấp và không có giá trị thay thế giấy tờ tùy thân.
- Giấy chứng nhận sẽ không có giá trị sử dụng khi bị tẩy xóa hoặc có sự thay đổi nội dung.

Khổ giấy: dài 100mm, rộng 65mm

Phụ lục 7

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Tên đơn vị:.....
Số: /.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÔNG TIN HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN

Kính gửi: SỞ GTVT ..(1).....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Trụ sở:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Email:.....
5. Một số nội dung của hợp đồng:
 - a) Hành trình (điểm đầu, điểm cuối, điểm đón, trả khách).....
 - b) Thời gian thực hiện hợp đồng (ghi rõ giờ, ngày tháng năm).....

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu

Phụ lục 8

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CỤC DU LỊCH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ DU LỊCH

| TT | Nội dung tập huấn | Thời lượng | Ghi chú |
|-----------|---|-------------------|----------------|
| 1. | Tổng quan về du lịch Việt Nam | 10T | |
| | - Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về du lịch | | |
| | - Hệ thống các văn bản QPPL về du lịch và các văn bản khác có liên quan du lịch | | |
| | - Hệ thống DN và cơ sở dịch vụ du lịch | | |
| | - Các loại hình du lịch | | |
| | - Môi trường và du lịch | | |
| | - Phát triển du lịch bền vững | | |
| 2. | Kiến thức Lễ tân và Văn hoá giao tiếp, ứng xử | 8T | |
| | - Nguyên tắc và một số lễ nghi giao tiếp quốc tế | | |
| | - Tập quán giao tiếp và ứng xử ở một số nước | | |
| | - Lễ tân trong hoạt động du lịch (đón, tiễn, giao tiếp với khách – trực tiếp hoặc qua điện thoại...) | | |
| 3. | Tâm lý và phong tục, tập quán của khách du lịch | 8T | |
| | - Nhu cầu du lịch và các nhu cầu khi đi du lịch | | |
| | - Sở thích và tâm trạng của khách du lịch | | |
| | - Đặc điểm tâm lý và tập quán của một số nhóm khách | | |
| | - Tâm lý và vai trò của cộng đồng dân cư trong hoạt động du lịch | | |
| 4. | Kiến thức tiếng Anh | 8T | |
| | - Tự giới thiệu được về nhân thân và công việc đang làm | | |
| | - Nghe hiểu và trả lời được cho khách du lịch các thông tin: chỉ dẫn đường đi, thời tiết, tỷ giá hối đoái, bưu điện, cơ sở y tế (bệnh viện, cửa hàng dược), cơ quan bảo hiểm, các điểm du lịch, mua sắm, giải trí và địa chỉ các cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế | | |
| | - Biết giới thiệu sơ lược về đơn vị của mình | | |

Phụ lục 9

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Tên đơn vị kinh doanh:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện thoại: _____

Fax:

....., ngày.....tháng.....năm.....

Email:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH

I. Số lượng phương tiện vận tải được cấp Biển hiệu

| Phương tiện | Hiện có | | Cấp mới | | Tổng cộng | |
|------------------|---------|--------|---------|--------|-----------|--------|
| | Biển A | Biển B | Biển A | Biển B | Biển A | Biển B |
| Loại 4-7 chỗ | | | | | | |
| Loại 12-25 chỗ | | | | | | |
| Loại 30-45 chỗ | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | |

II. Kết quả kinh doanh vận tải khách du lịch

| Loại khách | Số lượng khách (người) | | | Ngày khách trung bình (ngày) | Giá tour /khách (VND hoặc USD) | Giới tính | | Độ tuổi | | | |
|----------------------------|------------------------|--------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------|-----------|----|---------|------------|------------|---------|
| | Khách đi lẻ | Khách đi theo đoàn | Tổng số khách | | | Nam | Nữ | Dưới 18 | Từ 18 - 30 | Từ 31 - 60 | Trên 60 |
| 1. Khách nội địa | | | | | | | | | | | |
| Người VN | | | | | | | | | | | |
| Người NN thường trú tại VN | | | | | | | | | | | |
| Cộng (1) | | | | | | | | | | | |
| 2. Khách quốc tế | | | | | | | | | | | |
| Châu Á | | | | | | | | | | | |
| Châu Âu | | | | | | | | | | | |
| Châu Mỹ | | | | | | | | | | | |
| Châu Úc | | | | | | | | | | | |
| Châu Phi | | | | | | | | | | | |
| Cộng (2) | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng (1+2) | | | | | | | | | | | |

III. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT | Danh mục | Nội dung | Số tiền | So cùng kỳ năm trước (%) |
|-----|---------------|--------------------------|---------|--------------------------|
| | Doanh thu | a. Nội địa | | |
| | | b. Quốc tế | | |
| | | Tổng (a+b) | | |
| | | Bình quân/khách | | |
| | | | | |
| 2. | Chi phí | Tổng chi phí | | |
| 3. | Lợi nhuận | a. Trước thuế | | |
| | | b. Lãi ròng | | |
| | | Lãi ròng bình quân/khách | | |
| 4. | Nộp ngân sách | a. Phải nộp | | |
| | | b. Đã nộp | | |
| | | Còn phải nộp (a-b) | | |
| | | Bình quân/khách | | |

IV. Lao động trong doanh nghiệp:

Đơn vị tính: người

| STT | Vị trí | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|---------|
| 1 | Quản lý, điều hành | | |
| 2 | Lái xe | | |
| 3 | Hướng dẫn viên | | |
| 4 | Lao động khác | | |
| | Tổng cộng | | |

V. Đề xuất, kiến nghị:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 10

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số /TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Đơn vị kinh doanh:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

(Kèm theo Hợp đồng kinh tế số/..... ngày tháng năm)

| STT | Họ tên hành khách | Năm sinh | Ghi chú |
|-------|----------------------|----------|---------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | Tổng số: người | | |

Đơn vị kinh doanh
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện tổ chức, cá nhân
bên thuê vận tải
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Đơn vị kinh doanh đóng dấu treo vào tất cả các trang của danh sách.